|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số:   /2022/NQ-HĐND | *Quảng Nam, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHOÁ X KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

 *Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

 *Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

 Quy định về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan trong hệ thống chính trị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp huyện được luân chuyển, điều động từ các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) về tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh luân chuyển, điều động về huyện; cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp huyện được luân chuyển, điều động từ huyện này sang cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp huyện của huyện khác để bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

c) Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã;

d) Giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia đầu ngành tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng do tỉnh tổ chức.

đ) Đối tượng không áp dụng

- Các đối tượng đã hết thời gian luân chuyển, điều động, hết thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi học trước ngày Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký học văn bằng 2 trình độ sau đại học ở trong nước.

- Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

**Điều 2. Chính sách hỗ trợ**

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan trong hệ thống chính trị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đi học cao cấp, trung cấp lý luận chính trị.

Ngoài các chế độ, chính sách được hưởng theo quy định, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm:

a) Đào tạo sau đại học, bồi dưỡng ở nước ngoài

- Được cấp 100% học phí và các chi phí bắt buộc khác theo thông báo của cơ sở đào tạo; cấp sinh hoạt phí theo mức quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

- Hỗ trợ thêm các khoản chi phí: Chi phí làm thủ tục xuất nhập cảnh gồm: lệ phí làm thị thực, lệ phí khám sức khỏe (nếu có), lệ phí gia hạn thị thực (nếu có), chi phí vé máy bay hạng phổ thông một lượt đi và về để làm thị thực và gia hạn (nếu có); tiền vé máy bay hoặc tiền tàu, xe đi từ Việt Nam đến nơi học tập và ngược lại (một lượt đi và về cho cả khóa học); bảo hiểm y tế tối thiểu bắt buộc trong thời gian đào tạo ở nước ngoài. Hỗ trợ một phần rủi ro, bất khả kháng đối với lưu học sinh; phí chuyển và nhận tiền qua ngân hàng (nếu có).

b) Đào tạo sau đại học ở trong nước

- Tiến sĩ và tương đương: Hỗ trợ 70% tiền học phí (nếu là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ 100% tiền học phí); 60.000.000 đồng tiền sinh hoạt phí; 20.000.000 đồng tiền làm và bảo vệ luận án tốt nghiệp.

- Thạc sĩ và tương đương: Hỗ trợ 70% tiền học phí; 30.000.000 đồng tiền sinh hoạt phí; 10.000.000 đồng tiền làm và bảo vệ luận án tốt nghiệp (hỗ trợ đào tạo thạc sĩ chỉ áp dụng cho người dân tộc thiểu số).

c) Đào tạo lý luận chính trị

- Học phí: Được hỗ trợ 100% tiền học phí.

- Sinh hoạt phí:

+ Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung (ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm ngoài mức hỗ trợ hằng tháng do các cơ sở đào tạo chi trả theo quy định hiện hành): 5.000.000 đồng.

+ Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung (do Học viện Hành chính Khu vực III mở tại tỉnh Quảng Nam) và học trung cấp lý luận chính trị tại tỉnh Quảng Nam: 2.000.000 đồng. Nếu đi học ngoài khu vực không thuộc tỉnh thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng.

Các đối tượng nêu trên nếu là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm tiền sinh hoạt phí 1.000.000 đồng.

d) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý: Được thanh toán 100% tiền học phí.

Mức hỗ trợ trên được tính cho người/khóa học.

 2**.** Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) được luân chuyển, điều động về tỉnh và cán bộ, công chức, viêc chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh luân chuyển, điều động về huyện; cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp huyện được luân chuyển, điều động từ huyện này sang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp huyện của huyện khác để bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

Ngoài các chế độ, chính sách được hưởng theo quy định của Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khi được luân chuyển, điều động được hỗ trợ thêm:

a) Luân chuyển, điều động từ 9 huyện miền núi về tỉnh và ngược lại: 3.000.000 đồng/người/tháng (gồm: huyện Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Hiệp Đức, Phước Sơn, Nông Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước).

b) Luân chuyển, điều động từ các huyện còn lại về tỉnh và ngược lại: 2.000.000 đồng/người/tháng (trừ thành phố Tam kỳ về tỉnh và ngược lại không hỗ trợ).

c) Luân chuyển, điều động từ huyện này qua huyện khác: 2.000.000 đồng/người/tháng;

Các đối tượng nêu trên nếu là người đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 5 năm (60 tháng).

3.Chính sách mời giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia đầu ngành tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng do tỉnh tổ chức

Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam: “Chính sách mời giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia đầu ngành tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng do tỉnh tổ chức.

Ngoài các chế độ chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia đầu ngành theo quy định, được hỗ trợ thêm:

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/lượt.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương, giáo sư, chuyên gia cao cấp, tiến sỹ khoa học: 1.500.000 đồng/người/lượt.

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng, Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư, tiến sỹ; giảng viên cao cấp và tương đương: 1.000.000 đồng/người/lượt.

- Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp phòng của Cục, Vụ, Viện, thạc sĩ, giảng viên chính và tương đương công tác tại cơ quan, đơn vị ở Trung ương (không bao gồm các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam) và lãnh đạo cấp Sở: 1.000.000 đồng/người/lượt.

- Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp phòng, thạc sĩ, giảng viên chính và tương đương công tác tại cơ quan, đơn vị ở tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: 500.000 đồng/người/lượt.

- Giảng viên, báo cáo viên có trình độ đại học, giảng viên và tương đương công tác tại cơ quan, đơn vị ở tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: 300.000 đồng/người/lượt.

- Giảng viên, báo cáo viên công tác tại cơ quan, đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống: 300.000 đồng/người/lượt”.

**Điều 3. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết này được cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và xác định danh mục các trường đại học và ngành nghề mà tỉnh có nhu cầu đào tạo, ban hành danh mục các ngành nghề cần đào tạo của tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng …. năm 2022./.

***Nơi nhận:* CHỦ TỊCH**

- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;

- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;

- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;

- Đại biểu Quốc hội đoàn Quảng Nam;

- Đại biểu HĐND tỉnh;

- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;

- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;

- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;

- Lưu: VT, TH.

**PHỤ LỤC**

**Mức sinh hoạt phí của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ngày / /2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nước, vùng lãnh thổ** | **Mức SHP toàn phần (USD; EURO/1 người/1 tháng)** |
| **Bằng đồng đô la Mỹ** **(USD)** | **Bằng đồng EURO** |
| 1 | Ấn Độ | 455 |  |
| 2 | Trung Quốc | 455 |  |
| 3 | Đài Loan | 455 |  |
| 4 | Campuchia, Lào | 390 |  |
| 5 | Mông Cổ | 390 |  |
| 6 | Hàn Quốc, Xinh-ga-po, Hồng Kông | 650 |  |
| 7 | Thái Lan, Phi-lip-pin, Malaisia | 390 |  |
| 8 | Ba Lan | 520 |  |
| 9 | Bungary | 520 |  |
| 10 | Hungary | 520 |  |
| 11 | Cộng hoà Séc | 520 |  |
| 12 | Cộng hoà Slôvakia | 520 |  |
| 13 | Rumani | 520 |  |
| 14 | Ucraina, Bêlarútxia | 520 |  |
| 15 | Liên bang Nga | 520 |  |
| 16 | Cuba | 390 |  |
| 17 | Các nước Tây, Bắc Âu |  | 960 |
| 18 | Mỹ, Canada, Anh, Nhật Bản | 1.300 |  |
| 19 | Úc, Niu Di-lân | 1.120 |  |
| 20 | Ai Cập | 585 |  |

*Ghi chú: Đối với một số nước không liệt kê trong Phụ lục này sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể.*